ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày tháng năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số .../TTr-SKHCN ngày ... tháng ... năm 2026 về dự thảo Quyết định quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII, Giám đốc Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố, Giám đốc Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Đồng Nai Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị xã hội;
- Văn phòng Thành ủy;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành;
- TT. HĐND, UBND cấp xã;
- Công báo điện tử thành phố;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết Điểm b khoản 3 Điều 30 của Luật Phát triển đô thị về huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực từ ngân sách và ngoài ngân sách (bao gồm tài trợ, hỗ trợ, hợp tác công - tư PPP và các hình thức đầu tư hỗn hợp khác) dành cho phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, phòng thí nghiệm, khu công nghệ cao, chương trình nghiên cứu và phát triển (R&D), hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn.

2. Các phương thức huy động và sử dụng nguồn lực trong Quy định này bao gồm:

a) Các khoản tài trợ, hỗ trợ không hoàn lại hoặc có điều kiện bằng tiền, tài sản hữu hình (trang thiết bị, máy móc, phòng thí nghiệm) hoặc tài sản vô hình (bản quyền phần mềm, mã nguồn, thuật toán Trí tuệ nhân tạo - AI, dung lượng điện toán đám mây, dữ liệu số) từ các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế;

b) Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng khoa học công nghệ chuyên sâu;

c) Cơ chế Đồng đầu tư (Co-investment) kết hợp nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp của khu vực tư nhân, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

d) Các hình thức hợp tác đặc thù phát sinh từ thực tiễn gồm: "Lãnh đạo công - quản trị tư", "Đầu tư công - quản lý tư" và "Đầu tư tư - sử dụng công" áp dụng đối với hạ tầng tri thức, hạ tầng dữ liệu lớn và các không gian đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình huy động, quản lý, sử dụng và thụ hưởng các nguồn lực phát triển khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai, bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai.

2. Các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhà nước không thuộc quyền quản lý trực tiếp của địa phương nhưng đóng trụ sở hoặc có hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thực tế trên địa bàn Thành phố (bao gồm khối Đại học Quốc gia, Viện Hàn lâm và các cơ quan thực thi pháp luật ngành dọc Trung ương).

3. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Startup), tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, các quỹ đầu tư tư nhân, tập đoàn công nghệ trong và ngoài nước tham gia liên kết hệ sinh thái "3 Nhà" trên địa bàn.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện chính sách

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố Đồng Nai (Chi đầu tư phát triển và Chi sự nghiệp lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng hăm).

2. Nguồn vốn ngoài ngân sách: Vốn từ các nhà đầu tư chiến lược, doanh nghiệp tư nhân, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, các khoản tài trợ, hỗ trợ hợp pháp từ các tổ chức phi chính phủ và quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc huy động và sử dụng nguồn lực

1. Nguyên tắc Nhà nước kiến tạo, dùng đầu tư công làm nguồn vốn dẫn dắt để thúc đẩy, huy động tối đa nguồn lực đầu tư của khu vực tư nhân.

Nguồn lực huy động được quản lý, hạch toán rõ ràng, bảo đảm công khai, minh bạch; ưu tiên bố trí cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án có tác động lan tỏa, tạo giá trị gia tăng cao, góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động xã hội của thành phố. Trọng tâm ưu tiên gồm: kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp và các mô hình kinh tế mới có giá trị gia tăng cao; phát triển hạ tầng công nghệ số, trung tâm dữ liệu (Data Center), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, công nghiệp bán dẫn, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, vật liệu mới và các hạ tầng phục vụ logistics hiện đại, phù hợp với định hướng, đề án và kế hoạch phát triển của thành phố; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế số chiếm 30% GRDP đến năm 2030.

2. Nguyên tắc đối ứng và hợp tác đa bên (Nhà nước - Doanh nghiệp - Trường Đại học - Viện nghiên cứu), ưu tiên các dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao và có cam kết rõ ràng về cơ chế chia sẻ hạ tầng dùng chung.

Các dự án nhận hỗ trợ từ ngân sách thành phố phải tuân thủ nghiêm ngặt tỷ lệ đối ứng vốn từ tổ chức, doanh nghiệp chủ trì. Ưu tiên lựa chọn và phê duyệt các dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao từ khu vực tư nhân, có sự tham gia liên kết chặt chẽ theo mô hình "3 Nhà" (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp) nhằm nâng cao trách nhiệm khai thác tài sản công nghệ sau đầu tư.

3. Nguyên tắc quản lý đúng mục đích, công khai, minh bạch, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội tổng thể theo thông lệ quốc tế

a) Mọi tổ chức khoa học công nghệ, viện nghiên cứu hoặc doanh nghiệp khi nhận dòng vốn hỗ trợ, đồng đầu tư hoặc tài trợ từ nguồn lực hỗn hợp của thành phố có nghĩa vụ bắt buộc phải mở cửa hạ tầng, thiết lập quy chế chia sẻ năng lực thiết bị phòng thí nghiệm, năng lực tính toán hiệu năng cao hoặc dữ liệu số chuyên ngành cho cộng đồng khoa học và các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Startup) với mức phí hợp lý, đảm bảo tối ưu hóa thời gian khấu hao vô hình ngắn của tài sản công nghệ.

b) Hoạt động huy động, giải ngân đầu tư mạo hiểm và đồng tài trợ phải được vận hành theo thông lệ quốc tế và cơ chế thị trường. Thành phố chấp nhận độ trễ và tỷ lệ rủi ro khách quan trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm giải pháp công nghệ mới (Sandbox). Người đứng đầu cơ quan quản lý và các nhà khoa học được áp dụng cơ chế miễn trừ trách nhiệm hành chính, dân sự nếu dự án không đạt sản phẩm đầu ra do giới hạn công nghệ khách quan, miễn là quá trình thực hiện tuân thủ đúng quy trình thẩm định, kiểm soát nội bộ và không tư lợi cá nhân.

c) Mọi mô hình hợp tác công - tư (PPP) hoặc khai thác hạ tầng số chung với khối tư nhân phải cam kết tuyệt đối tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu và Khung quản trị dữ liệu của thành phố. Toàn bộ dòng dữ liệu phát sinh trong quá trình vận hành liên quan đến quản lý nhà nước, dịch vụ công và thông tin điều hành đô thị theo thời gian thực là tài nguyên số thuộc chủ quyền độc quyền, bất khả xâm phạm của thành phố Đồng Nai.

Chương II

CÁC PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VÀ MÔ HÌNH HỢP TÁC

Điều 5. Mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển hạ tầng công nghệ và hạ tầng số

1. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT, BTO, BPO...) đối với siêu trung tâm dữ liệu, mạng viễn thông thế hệ mới và không gian đổi mới sáng tạo.

a) Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án hạ tầng khoa học công nghệ, hạ tầng số, trung tâm dữ liệu và không gian đổi mới

sáng tạo theo phương thức đối tác công - tư (PPP) phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư PPP và các cơ chế đặc thù được Quốc hội giao.

b) Hình thức hợp tác bao gồm: Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Chuyển giao - Vận hành (BTO), Hợp đồng thuê - Dịch vụ (L-S) hoặc các mô hình hợp tác khác phù hợp với đặc tính vòng đời công nghệ ngắn.

c) Đối với các dự án hạ tầng số, trung tâm dữ liệu AI, chính quyền ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư có năng lực công nghệ lõi, cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và tuân thủ tuyệt đối khung kiến trúc dữ liệu của thành phố.

2. Cơ chế hạch toán, bàn giao và bảo trì tài sản hình thành từ phương thức PPP.

a) Về hạch toán tài sản trong quá trình thực hiện dự án:

Đối với tài sản công nghệ thuộc cấu phần nhà nước tham gia vào dự án PPP (như quyền khai thác kho dữ liệu mở, phần vốn góp bằng đất sạch hoặc hạ tầng kết nối sẵn có của thành phố), cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện hạch toán ghi tăng tài sản công địa phương theo quy định.

Đối với tài sản do nhà đầu tư tư nhân đầu tư và vận hành (như hệ thống máy chủ, chip xử lý, bản quyền phần mềm AI, hạ tầng trạm 5G), nhà đầu tư chịu trách nhiệm hạch toán, tự tính hao mòn vật lý và hao mòn vô hình theo quy định pháp luật và thỏa thuận tại hợp đồng PPP.

Trường hợp áp dụng mô hình đầu tư hỗn hợp (Co-investment), các cơ quan chức năng (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính) thực hiện cơ chế hạch toán phân tách rõ ràng dòng vốn ngân sách (nguồn vốn dẫn dắt) và vốn đối ứng tư nhân theo từng danh mục đầu tư; hạch toán rõ ràng từ đầu vào đến đầu ra nhằm đảm bảo tính minh bạch, tối ưu hóa hiệu quả giải ngân đầu tư công.

b) Về bàn giao tài sản khi kết thúc hoặc chuyển giao giai đoạn dự án

Việc bàn giao tài sản từ nhà đầu tư tư nhân sang thành phố (đối với các hợp đồng BOT, BTO, BPO hoặc chuyển giao công nghệ) phải được tiến hành theo quy trình rút gọn, thời gian thẩm định và hoàn thành thủ tục điều chuyển không quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu kỹ thuật.

Trước khi tiến hành bàn giao, tài sản công nghệ phải được kiểm định, đánh giá lại mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL) và năng lực tính toán hữu ích bởi Hội đồng chuyên gia chuyên biệt do Ủy ban nhân dân thành phố thành lập. Nhà đầu tư tư nhân có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ tài liệu kỹ thuật, mã nguồn gốc (source code), kiến trúc hệ thống và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ liên quan sang cho thành phố quản lý.

Thành phố Đồng Nai thực hiện quyền quản lý nhà nước thống nhất; tuân thủ pháp luật về dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật

nhà nước đối với toàn bộ kho dữ liệu số, giải pháp thuật toán AI được hình thành từ quá trình vận hành dự án PPP phục vụ quản trị đô thị, không phụ thuộc vào việc hệ thống phần cứng đang đặt tại đơn vị thuộc Trung ương hay khu vực tư nhân quản lý.

c) Về cơ chế bảo trì, nâng cấp tài sản công nghệ dùng chung

Kinh phí bảo trì, vận hành kỹ thuật được phân bổ linh hoạt từ nguồn doanh thu khai thác dịch vụ số của dự án (theo cơ chế thị trường) hoặc từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách thành phố giao cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm (đảm bảo đúng định mức phân bổ tối thiểu 3% tổng chi ngân sách của thành phố).

Nhà đầu tư hoặc đơn vị vận hành (khối tư nhân) có trách nhiệm duy trì tỷ lệ chia sẻ công suất hữu ích của hạ tầng, thiết bị dùng chung tối thiểu từ 40% - 50% cho cộng đồng khoa học, khối viện, trường và các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Startup) của thành phố theo quy chế điều phối sử dụng chung tài sản công nghệ trên địa bàn.

d) Thành phố cho phép áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với các mô hình kinh doanh mới, sản phẩm công nghệ mới chưa có quy định pháp luật điều chỉnh, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế tầm thấp (UAV), robot tự hành, hoặc tài chính số (Fintech).

Trong quá trình thực hiện các dự án hợp tác, trường hợp dự án không đạt kết quả như dự kiến do rủi ro khách quan của công nghệ hoặc biến động thị trường, việc xem xét, xử lý trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật hiện hành, trên cơ sở hồ sơ, tài liệu chứng minh quá trình tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, không tư lợi, không vi phạm các hành vi bị cấm và đã áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế rủi ro.

Điều 6. Cơ chế Đặt hàng nghiên cứu và Đồng tài trợ (Co-investment)

1. Cơ chế Đặt hàng nghiên cứu

a) Thành phố thực hiện đặt hàng các nhiệm vụ khoa học công nghệ, dự án R&D dựa trên "bài toán lớn" phát sinh từ nhu cầu thực tiễn của đô thị (giao thông, môi trường, ngập lụt, y tế, an ninh).

b) Việc đặt hàng được thực hiện theo cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, nghiệm thu dựa trên chỉ số KPIs thực tế và hiệu quả ứng dụng thay vì kiểm soát chi tiết hóa đơn, chứng từ từng hạng mục.

2. Cơ chế đồng tài trợ (Co-investment):

a) Quỹ Phát triển Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo thành phố phối hợp cùng Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Đồng Nai thực hiện đồng tài trợ, đối

ứng vốn với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp hoặc vốn tư nhân.

b) Tỷ lệ phần vốn ngân sách nhà nước đóng vai trò dẫn dắt từ ngân sách nhà nước không quá 30% tổng vốn của dự án đồng tài trợ, trừ các trường hợp đặc biệt thuộc lĩnh vực công nghệ chiến lược (AI, vi mạch bán dẫn, công nghệ sinh học) cần sự dẫn dắt mạnh mẽ của nhà nước.

Điều 7. Tiếp nhận và quản lý nguồn tài trợ, hỗ trợ ngoài ngân sách

1. Tiếp nhận tài trợ:

a) Thành phố khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tập đoàn công nghệ, tổ chức quốc tế, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ các nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Tài trợ có thể bao gồm tiền mặt, trang thiết bị hiện đại, bản quyền phần mềm, hạ tầng tính toán đám mây (Cloud computing), thuật toán AI hoặc các khóa đào tạo chuyên sâu.

2. Quản lý và sử dụng:

a) Các khoản tài trợ bằng tiền phải được ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ chuyên biệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch.

b) Đối với tài trợ bằng hiện vật hoặc tài sản vô hình, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân hoặc quản lý theo quy định về tài sản công, đồng thời hạch toán giá trị để phục vụ công tác theo dõi, kiểm toán.

Chương III

ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VÀ CƠ CHẾ ƯU ĐÃI TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

Điều 8. Mức hỗ trợ đối với khối Viện, Trường, Cơ quan Trung ương và Doanh nghiệp Nhà nước

1. Các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhà nước không thuộc quyền quản lý trực tiếp của địa phương nhưng đóng trên địa bàn thành phố (sau đây gọi tắt là khối đơn vị Trung ương) khi chủ trì thực hiện dự án đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ mục tiêu phát triển chung của thành phố được ngân sách thành phố hỗ trợ tài chính với định mức tối đa không quá 50% tổng chi phí đầu tư dự án.

2. Cơ cấu các hạng mục chi phí đầu tư thuộc phạm vi hỗ trợ từ ngân sách Thành phố bao gồm:

a) Chi phí cải tạo, xây dựng mới hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chuyên dụng của phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế (CoE);

b) Chi phí mua sắm, lắp đặt và kiểm định máy móc, thiết bị thử nghiệm, công cụ chuyên dụng cao cấp phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược;

c) Chi phí mua bản quyền giải pháp công nghệ, phần mềm mô phỏng, bản quyền thuật toán, phần mềm phân tích dữ liệu lớn và thuê dung lượng điện toán hiệu năng cao (HPC).

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ được phân bổ từ nguồn vốn đầu tư công hoặc kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trung hạn và hằng năm của thành phố; việc giải ngân được thực hiện theo tiến độ phân kỳ của dự án hoặc áp dụng cơ chế khoán chi dựa trên kết quả nghiệm thu kỹ thuật từng giai đoạn.

Điều 9. Mức hỗ trợ đối với khu vực tư nhân

1. Doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực tư nhân khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thành lập trung tâm R&D trực thuộc doanh nghiệp hoặc đầu tư ứng dụng công nghệ số vào dây chuyền sản xuất thông minh được ngân sách thành phố hỗ trợ với định mức tối đa không quá 30% tổng chi phí đầu tư.

2. Thành phố áp dụng cơ chế ưu tiên hỗ trợ và cộng điểm xét duyệt hồ sơ đối với các đối tượng thuộc khu vực tư nhân sau đây:

a) Doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Startup) đang hoạt động, vận hành tại các cụm công nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung của thành phố;

b) Doanh nghiệp chủ trì các dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa các nhóm sản phẩm thuộc danh mục 18 sản phẩm ưu tiên của thành phố (bao gồm vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, phương tiện bay không người lái - UAV, công nghệ sinh học và vật liệu mới).

3. Chi phí đối ứng còn lại (tối thiểu 70% tổng mức đầu tư dự án) phải được hạch toán và bảo đảm đầy đủ từ nguồn nội lực của doanh nghiệp, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của chính doanh nghiệp hoặc các nguồn vốn huy động hợp pháp khác từ khối tư nhân.

Điều 10. Điều kiện thụ hưởng hỗ trợ ngân sách

1. Có văn bản chứng minh năng lực tài chính và cam kết bố trí đầy đủ nguồn vốn đối ứng theo đúng tỷ lệ quy định tại dự án. Ưu tiên các dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao vượt định mức tối thiểu từ khu vực tư nhân hoặc có mô hình liên kết hợp tác "3 Nhà" rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thụ hưởng hỗ trợ phải ký văn bản cam kết bắt buộc về việc mở cửa hạ tầng, chia sẻ hạ tầng dùng chung tối thiểu từ 40% đến 50% tổng công suất hữu ích của hệ thống máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm hoặc nền tảng dữ liệu số được ngân sách tài trợ. Việc chia sẻ này nhằm phục vụ cộng đồng khoa học, khối viện, trường và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của thành phố trên cơ sở biểu phí dịch vụ ưu đãi do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Đối với các dự án có cấu phần hạ tầng số và phần mềm, đơn vị thụ hưởng phải cam kết tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu về Trung tâm dữ liệu thành phố theo thời gian thực; đồng thời thừa nhận chủ quyền dữ liệu quản trị số bất khả xâm phạm của thành phố đối với các dòng thông tin phát sinh liên quan đến dịch vụ công và điều hành đô thị thông minh.

4. Dự án phải chứng minh được tính khả thi về mặt kinh tế - xã hội thông qua các chỉ số đo lường cụ thể về năng suất (KPIs), mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL) và có kế hoạch thương mại hóa sản phẩm rõ ràng, bảo đảm dòng vốn hỗ trợ của Nhà nước tạo ra giá trị gia tăng thực chất cho nền kinh tế Thành phố.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận, phân loại và chủ trì tổ chức thẩm định danh mục, nội hàm kỹ thuật, mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL) đối với các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đăng ký thụ hưởng nguồn lực hỗn hợp theo Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện, quản lý và hạch toán rõ ràng từ đầu vào đến đầu ra của các dự án; theo dõi, đánh giá hiệu quả thương mại hóa sản phẩm đầu ra, tính toán tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và quy mô kinh tế số vào GRDP của thành phố; Chủ trì hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật, Khung kiến trúc số, Khung kiến trúc IoT, bảo đảm tính tương thích, kết nối liên thông và vận hành an toàn hệ thống thông tin chuyên ngành của các sở, ngành với Trung tâm dữ liệu Thành phố và Trung tâm dữ liệu quốc gia;

c) Phối hợp với các Viện, Trường đại học, các tổ chức, cá nhân và các đối tác quốc tế để tổ chức, liên kết và điều phối mạng lưới Trung tâm đổi mới sáng tạo tầm cỡ quốc tế, Sàn giao dịch công nghệ phiên bản mới và các không gian thử nghiệm công nghệ (Sandbox) trên địa bàn;

d) Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương tháo gỡ điểm nghẽn về chia sẻ dữ liệu gốc, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm bám sát Chiến lược phát triển dữ liệu số của thành phố; hoàn thiện Đề án thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu an toàn.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp hằng năm (bảo đảm tỷ lệ phân khai tối thiểu 3% tổng chi ngân sách của thành phố) để tạo nguồn vốn dẫn dắt chiến lược dẫn dắt dòng vốn xã hội hóa;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn chế độ kế toán đặc thù, quy trình hạch toán ngoại bảng và theo dõi quản lý đối với các tài sản vô hình (bản quyền phần mềm, thuật toán AI, tài khoản trợ lý ảo), tài trợ công nghệ hoặc tài sản dùng chung đặt tại các cơ quan không thuộc quyền quản lý của địa phương;

c) Xây dựng cơ chế tài chính mạo hiểm, quy chế hạch toán lỗ ròng theo danh mục đầu tư và hướng dẫn quy trình xử lý rủi ro tài chính công mạo hiểm; tham mưu bố trí ngân sách để cấp bổ sung vốn điều lệ hằng năm cho Công ty Cổ phần Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Đồng Nai hoạt động theo cơ chế thị trường.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Đồng Nai)

MẪU 01/ĐN-KHCN

TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ THUYẾT MINH DỰ ÁN
ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ/ĐỒNG TÀI TRỢ (CO-INVESTMENT) TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đồng Nai

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC / DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....

2. Mã số doanh nghiệp / Quyết định thành lập: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính: …….

4. Điện thoại: ..... Email: .....

5. Người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:……

6. Phân loại đối tượng thụ hưởng đề nghị hỗ trợ:

[ ] Cơ sở giáo dục đại học/Tổ chức KH&CN/Doanh nghiệp nhà nước Trung ương (đề nghị hỗ trợ tài chính tối đa không quá 50% tổng mức đầu tư).

[ ] Doanh nghiệp tư nhân/Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Startup) (đề nghị hỗ trợ tối đa không quá 30% tổng mức đầu tư).

[ ] Doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng ưu tiên:

[ ] Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Startup hoạt động tại các khu công nghệ số, cụm công nghiệp công nghệ cao.

[ ] Doanh nghiệp chủ trì dự án thuộc Danh mục 18 sản phẩm công nghệ ưu tiên của thành phố (Trí tuệ nhân tạo - AI, vi mạch bán dẫn, phương tiện bay không người lái - UAV, công nghệ sinh học, vật liệu mới...).

II. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN

1. Tên dự án: .....

2. Địa điểm thực hiện: .....

3. Thời gian thực hiện: ..... tháng (Từ tháng .../202... đến tháng .../202...).

4. Sự cần thiết và mục tiêu của dự án:

- Bài toán thực tiễn/Nhu cầu phát triển đô thị số, kinh tế số cần giải quyết: .....
- Mục tiêu cụ thể đạt được sau khi kết thúc dự án: .....

5. Nội hàm kỹ thuật và Chỉ số Mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL):

- Mô tả giải pháp công nghệ/Nền tảng số/Thuật toán chủ đạo: .....
- Mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL) hiện tại: Level ..... ---> TRL mục tiêu dự kiến đạt được: Level .....

6. Dự toán kinh phí và Cơ cấu nguồn vốn:

- Tổng mức đầu tư của dự án:..... đồng.

- Kinh phí đề nghị ngân sách Thành phố hỗ trợ/đồng tài trợ: ..... đồng (Chiếm ..... %).

- Kinh phí đối ứng của Doanh nghiệp/Tổ chức: ..... đồng (Chiếm ..... %).

- Nguồn vốn đối ứng dự kiến bố trí từ: [ ] Vốn tự có; [ ] Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; [ ] Nguồn huy động hợp pháp khác.

7. Chỉ số đo lường hiệu quả đầu ra (KPIs) và kế hoạch thương mại hóa:

- Danh mục sản phẩm, giải pháp công nghệ, dữ liệu hoặc tài sản hoàn thành bàn giao: .....

- Hiệu quả kinh tế - xã hội, năng suất lao động (TFP) hoặc giá trị gia tăng kinh tế số tạo ra: .....

- Kế hoạch ứng dụng, nhân rộng hoặc thương mại hóa sản phẩm sau nghiệm thu: .....

III. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC / DOANH NGHIỆP

1. Cam kết tính trung thực, chính xác của toàn bộ thông tin và hồ sơ đề nghị.

2. Cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối ứng vốn, mở cửa chia sẻ hạ tầng dùng chung (từ 40% đến 50% công suất) và kết nối dữ liệu thời gian thực theo quy định.

IV. DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Bản cam kết bắt buộc về đối ứng vốn, chia sẻ hạ tầng và kết nối dữ liệu (Mẫu 02/CK-HT);

2. Báo cáo tài chính gần nhất hoặc Văn bản xác nhận nguồn vốn đối ứng / Quỹ phát triển KH&CN;

3. Tài liệu thuyết minh chỉ số TRL và văn bản chứng minh thuộc danh mục đối tượng ưu tiên (nếu có).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HS.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC / DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

MẪU 02/CK-HT

TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CAM KẾT BẮT BUỘC
VỀ VIỆC ĐỐI ỨNG VỐN, CHIA SẺ HẠ TẦNG DÙNG CHUNG VÀ TÍCH HỢP DỮ LIỆU SỐ

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....
Địa chỉ trụ sở: .....
Dự án đề nghị hỗ trợ/đồng tài trợ: .....

Sau khi nghiên cứu Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai, đơn vị chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc các điều kiện thụ hưởng nguồn hỗ trợ từ ngân sách Thành phố như sau:

1. Cam kết bố trí đủ vốn đối ứng: Bảo đảm bố trí tối thiểu .....% (tối thiểu 70% đối với khu vực tư nhân) tổng kinh phí thực hiện dự án từ nguồn vốn tự có hoặc Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp theo đúng tiến độ dự án được phê duyệt.

2. Cam kết mở cửa chia sẻ hạ tầng dùng chung: Dành tối thiểu .....% (từ 40% đến 50%) tổng công suất hữu ích của hệ thống máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm hoặc nền tảng dữ liệu được ngân sách hỗ trợ để phục vụ cộng đồng khoa học, khối Viện trường và các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Startup) theo biểu phí dịch vụ ưu đãi do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Cam kết tích hợp dữ liệu và công nhận chủ quyền dữ liệu số:
- Tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu về Trung tâm dữ liệu Thành phố theo thời gian thực;
- Thừa nhận chủ quyền dữ liệu quản trị số là tài sản độc quyền, bất khả xâm phạm của Thành phố Đồng Nai đối với các dòng thông tin phát sinh liên quan đến dịch vụ công và điều hành đô thị thông minh.

4. Cam kết tuân thủ quy chế tài chính: Chấp nhận phương thức khoán chi theo sản phẩm/KPIs đầu ra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lưu giữ đầy đủ hồ sơ, hóa đơn chi tiết tại đơn vị.

Nơi nhận: - Cơ quan thẩm định; - Lưu: VT, HS.	*..., ngày ... tháng ... năm 202...* **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC / DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

MẪU 03/BG-TSCN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND TP. Đồng Nai)

ĐƠN VỊ BÀN GIAO & TIẾP NHẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN CÔNG NGHỆ, DỮ LIỆU SỐ VÀ MÃ NGUỒN GỐC

(Chuyển giao quyền sở hữu tài sản công nghệ từ nhiệm vụ hỗ trợ, tài trợ ngoài ngân sách)

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu kỹ thuật và đánh giá chỉ số TRL ngày .../.../202...)

I. THÀNH PHẦN BÀN GIAO VÀ TIẾP NHẬN

1. Bên bàn giao (Tổ chức/Doanh nghiệp chủ trì nhiệm vụ hỗ trợ, đồng tài trợ hoặc đơn vị tài trợ ngoài ngân sách):

- Tên đơn vị: .....
- Đại diện: ..... Chức vụ: .....

2. Bên tiếp nhận (Sở Khoa học và Công nghệ / Đơn vị được UBND Thành phố giao quản lý):

- Tên đơn vị: .....
- Đại diện: ..... Chức vụ:……

II. DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG NGHỆ, DỮ LIỆU VÀ MÃ NGUỒN BÀN GIAO

STT	Danh mục Tài sản Công nghệ / Dữ liệu / Mã nguồn	Loại hình tài sản	Số lượng / Dung lượng	Tình trạng kỹ thuật / TRL
1	Phần cứng / Trạm thiết bị IoT / Hạ tầng mạng	Hữu hình	...	Hoạt động tốt
2	Bộ dữ liệu gốc / Cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Dữ liệu số	... GB/TB	Đã chuẩn hóa tích hợp
3	Mã nguồn gốc (Source Code) & Thuật toán AI	Tài sản vô hình	... Phiên bản	Đầy đủ tài liệu kiến trúc
4	Quyền sở hữu trí tuệ / Bản quyền phần mềm / Cloud	Quyền sử dụng	... Tài khoản/Thời hạn	Đã bàn giao tài khoản
5	Khác			

III. XÁC NHẬN VÀ CAM KẾT BÀN GIAO

1. Tài sản công nghệ bàn giao đã được kiểm định, đánh giá mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL) đạt Level .....

2. Bên bàn giao chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu, quyền quản trị vận hành và quyền sở hữu trí tuệ liên quan sang cho Thành phố quản lý thống nhất theo quy định.

3. Thời hạn hoàn tất thủ tục bàn giao tuân thủ quy định không quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu kỹ thuật.

ĐẠI DIỆN BÊN BÀN GIAO	**ĐẠI DIỆN BÊN TIẾP NHẬN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*